

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM
BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ~~159~~/KH-ĐHNLBG-HĐT

Bắc Giang, ngày 27 tháng 11 năm 2019

KẾ HOẠCH THI VÀ DANH SÁCH PHÒNG THI

Kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh tương đương trình độ A2 khung tham chiếu
Châu Âu, đợt thi ngày 01 tháng 12 năm 2019

I. KẾ HOẠCH THI

Ngày	Buổi	Kỹ năng thi	Phòng thi	Địa điểm	Thời gian làm bài	Thời gian thí sinh có mặt
Chủ nhật 01/12/2019	Sáng	- Đọc và Viết - Nghe	01	Phòng thực hành Khoa Kinh tế - Tài chính (tầng 3, Nhà B1)	- Đọc và Viết: 70 phút - Nghe: 30 phút	7h00'
			02	Phòng học lý thuyết 01 TT Ngoại ngữ - Tin học (tầng 3, Nhà B1)		
			03	Phòng học tiếng 02 TT Ngoại ngữ - Tin học (tầng 3, Nhà B1)		
	Chiều	Nói	01	1. Phòng thí sinh chuẩn bị: Phòng học lý thuyết 01 (tầng 3, Nhà B1)	- Thời gian chuẩn bị: 5 phút	13h00'
			02	2. Phòng vấn đáp: Phòng thực hành Khoa	- Thời gian hội thoại: 8-10 phút	14h30'
			03	Kinh tế - Tài chính (tầng 3, Nhà B1)		16h00'

II. KẾ HOẠCH CHI TIẾT

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	THỜI GIAN		CHỦ TRÌ
		Chủ nhật ngày 01/12/2019		
		Sáng	Chiều	
1	Họp HĐT phân công nhiệm vụ	7:00 - 7:15	13:00 - 13:05	Chủ tịch HĐ
2	Sinh hoạt quy chế/ nội qui phòng thi.	7:15 - 7:30		Thư ký HĐ

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	THỜI GIAN Chủ nhật ngày 01/12/2019		CHỦ TRÌ
		Sáng	Chiều	
3	- Đánh số báo danh, - Gọi thí sinh vào phòng thi, kiểm tra Phiếu dự thi, đính chính thông tin sai sót của thí sinh trên phiếu dự thi. - Hướng dẫn thí sinh ghi các thông tin trên Đề thi và Phiếu trả lời	7:30 - 8:00	13:05 - 13:10	Cán bộ coi thi 1
4	Nhận đề thi tại phòng Hội đồng	8:00 - 8:05	13:10 - 13:15	Cán bộ coi thi 1
5	Bóc, phát đề thi	8:05 - 8:15	13:15 - 13:20	Cán bộ coi thi
6	Bắt đầu tính thời gian làm bài thi	8:15 (Đọc và Viết) 9:25 (Nghe)	13:20 (Nói)	Cán bộ coi thi
7	Thu bài thi	9:55	Ngay sau khi hoàn tất nhiệm vụ tại phòng thi	Cán bộ coi thi
8	Nộp bài thi, biên bản phòng thi tại phòng Hội đồng	Ngay sau khi hoàn tất nhiệm vụ tại phòng thi		Cán bộ coi thi và Ban thư ký
9	Họp tổng kết coi thi tại phòng Hội đồng	Ngay sau khi kết thúc các nhiệm vụ	Ngay sau khi kết thúc các nhiệm vụ	Chủ tịch HĐ

III. DANH SÁCH PHÒNG THI

(Xem danh sách phòng thi chi tiết đính kèm)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI



TS. Nguyễn Tuấn Điệp

DANH SÁCH SINH VIÊN THI TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ TƯƠNG ĐƯƠNG A2 THEO KHUNG THAM CHIẾU CHÂU ÂU

Kỳ thi ngày 01 tháng 12 năm 2019

Phòng thi: 01

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	Thi ĐỌC và VIẾT, NGHE		Thi NÓI		
									Thời gian thi	Địa điểm thi	Thời gian thi	Phòng chuẩn bị	Phòng vấn đáp
1	TA01	Bùi Thị Ngọc	Anh	11/08/1998	Hưng Yên	Nữ	D-THUY6B	16DTY0454	07h00'	PMKTTC	13h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
2	TA02	Đinh Tiến	Anh	07/02/1998	Thanh Hóa	Nam	D-THUY6A	16DTY0390	07h00'	PMKTTC	13h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
3	TA03	Vũ Mạnh	Ba	08/09/1997	Bắc Giang	Nam	D-THUY5A	15DTY0272	07h00'	PMKTTC	13h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
4	TA04	Nguyễn Văn	Cảnh	02/03/1995	Bắc Ninh	Nam	C-THUY18A	17CTY0101	07h00'	PMKTTC	13h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
5	TA05	Bùi Ngọc	Chiến	18/07/1990	Thái Bình	Nam	D-QLDD4A	14DQLDD0295	07h00'	PMKTTC	13h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
6	TA06	Trần Thị Kim	Cúc	15/12/1999	Bắc Ninh	Nữ	D-QLDD7A	17DQLDD0460	07h00'	PMKTTC	13h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
7	TA07	Hà Duyên	Duy	28/09/1999	Hà Nội	Nam	D-CNTP7A	17DCNTP0145	07h00'	PMKTTC	13h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
8	TA08	Phạm Văn	Duy	06/05/1994	Nam Định	Nam	D-QLTN4C	14DQLTN0267	07h00'	PMKTTC	13h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
9	TA09	Trần Quang	Đạo	03/07/1999	Bắc Giang	Nam	C-THUY18A	17CTY0103	07h00'	PMKTTC	13h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
10	TA10	Nguyễn Văn	Đoàn	13/05/1998	Bắc Giang	Nam	C-THUY18A	17CTY0104	07h00'	PMKTTC	13h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
11	TA11	Trần Thị	Giang	26/02/1999	Bắc Giang	Nữ	C-THUY18A	17CTY0105	07h00'	PMKTTC	13h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
12	TA12	Nguyễn Xuân	Hải	11/05/1998	Bắc Giang	Nam	D-KHCT6A	16DKHCT0120	07h00'	PMKTTC	13h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
13	TA13	Hoàng Thị	Hạnh	07/11/1996	Lạng Sơn	Nữ	D-THUY5B	15DTY0340	07h00'	PMKTTC	13h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
14	TA14	Nguyễn Thị	Hào	08/11/1998	Bắc Giang	Nữ	D-BVTV6A	16DBVTV0007	07h00'	PMKTTC	13h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
15	TA15	Đỗ Thị	Hiền	25/05/1998	Bắc Giang	Nữ	D-BVTV6A	16DBVTV0008	07h00'	PMKTTC	13h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
16	TA16	Nguyễn Thị Linh	Hiệp	03/05/1998	Bắc Giang	Nữ	D-BVTV6A	16DBVTV0009	07h00'	PMKTTC	13h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
17	TA17	Nguyễn Trung	Hiếu	18/07/1998	Bắc Giang	Nam	D-KHCT6A	16DKHCT0121	07h00'	PMKTTC	13h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
18	TA18	Trần Minh	Hoàn	23/10/1997	Bắc Giang	Nam	D-BVTV5A	15DBVTV0003	07h00'	PMKTTC	13h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
19	TA19	Đỗ Minh	Hoàng	12/11/1996	Bắc Giang	Nam	D-THUY5A	15DTY0287	07h00'	PMKTTC	13h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
20	TA20	Nguyễn Văn	Hoàng	22/02/1997	Bắc Giang	Nam	D-BVTV6A	16DBVTV0010	07h00'	PMKTTC	13h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC

Danh sách trên gồm 20 thí sinh./.

Chú thích: PMKTTC (Phòng máy tính Khoa Kinh tế - tài chính, tầng 3 - nhà B1)

DANH SÁCH SINH VIÊN THI THIẾT ANH TRÌNH ĐỘ TƯƠNG ĐƯƠNG A2 THEO KHUNG THAM CHIẾU CHÂU ÂU

Kỳ thi ngày 01 tháng 12 năm 2019

Phòng thi: 02

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	Thi ĐỌC và VIẾT, NGHE		Thi NÓI		
								Thời gian thi	Địa điểm thi	Thời gian thi	Phòng chuẩn bị	Phòng vấn đáp
1	TA21	Lê Tiến Hùng	04/07/1999	Đồng Nai	Nam	D-KHCT7A	17DKHCT0124	07h00'	P.Lý thuyết 01	14h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
2	TA22	Nguyễn Thị Huyền	26/11/1999	Bắc Giang	Nữ	D-CNTP7A	17DCNTP0148	07h00'	P.Lý thuyết 01	14h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
3	TA23	Nguyễn Thị Thanh Huyền	21/01/1999	Bắc Giang	Nữ	D-CNTP7A	17DCNTP0149	07h00'	P.Lý thuyết 01	14h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
4	TA24	Phan Thị Thu Huyền	25/02/1997	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN5A	15DKT0289	07h00'	P.Lý thuyết 01	14h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
5	TA25	Nguyễn Trọng Huỳnh	17/12/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY6C	16DTY0345	07h00'	P.Lý thuyết 01	14h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
6	TA26	Mã Huy Khanh	20/07/1998	Lạng Sơn	Nam	D-KHCT6A	16DCNTY0021	07h00'	P.Lý thuyết 01	14h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
7	TA27	Lê Duy Khánh	05/11/1998	Bắc Giang	Nam	D-BVTV6A	16DBVTV0011	07h00'	P.Lý thuyết 01	14h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
8	TA28	Nguyễn Xuân Duy Khánh	24/11/1997	Bắc Giang	Nam	D-BVTV6A	15DBVTV0005	07h00'	P.Lý thuyết 01	14h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
9	TA29	Vũ Thị Khánh	02/09/1998	Hải Dương	Nữ	D-CNTP6A	16DCNTP0318	07h00'	P.Lý thuyết 01	14h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
10	TA30	Nguyễn Phi Kiên	01/09/1999	Bắc Giang	Nam	C-THUY18A	17CTY0107	07h00'	P.Lý thuyết 01	14h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
11	TA31	Giáp Danh Lam	01/03/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY6C	16DTY0474	07h00'	P.Lý thuyết 01	14h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
12	TA32	Trần Văn Lâm	19/11/1997	Bắc Giang	Nam	D-THUY5A	15DTY0294	07h00'	P.Lý thuyết 01	14h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
13	TA33	Trần Tú Linh	06/04/1998	Bắc Giang	Nữ	D-CNTP6A	16ĐBCLTP0002	07h00'	P.Lý thuyết 01	14h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
14	TA34	Mai Văn Lợi	16/04/1998	Cần Thơ	Nam	D-BVTV6A	16DBVTV0012	07h00'	P.Lý thuyết 01	14h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
15	TA35	Dương Văn Lý	30/08/1997	Bắc Giang	Nam	D-THUY5A	15DTY0298	07h00'	P.Lý thuyết 01	14h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
16	TA36	Phạm Văn Mạnh	27/05/1997	Ninh Bình	Nam	D-THUY6A	16DTY0425	07h00'	P.Lý thuyết 01	14h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
17	TA37	Lương Thúy Minh	16/11/1998	Bắc Giang	Nữ	D-CNTP6A	16DCNTP0139	07h00'	P.Lý thuyết 01	14h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
18	TA38	Nguyễn Văn Minh	22/03/1997	Hà Nội	Nam	D-THUY5B	15DTY0356	07h00'	P.Lý thuyết 01	14h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
19	TA39	Vũ Hải Nam	10/01/1994	Bắc Giang	Nam	C-QLDD16A	15CQLDD0634	07h00'	P.Lý thuyết 01	14h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
20	TA40	Nguyễn Văn Như	18/05/1995	Thái Bình	Nam	D-CNTY6A	16DCNTY0029	07h00'	P.Lý thuyết 01	14h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC

Danh sách trên gồm 20 thí sinh./.

Chú thích: PMKTTC: Phòng máy tính Khoa Kinh tế - tài chính, tầng 3 - nhà B1

DANH SÁCH SINH VIÊN THI TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ TƯƠNG ĐƯƠNG A2 THEO KHUNG THAM CHIẾU CHÂU ÂU

Kỳ thi ngày 01 tháng 12 năm 2019

Phòng thi: 03

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	Thi ĐỌC và VIẾT, NGHE		Thi NÓI		
									Thời gian thi	Địa điểm thi	Thời gian thi	Phòng chuẩn bị	Phòng vấn đáp
1	TA41	Bùi Thị	Phượng	12/06/1998	Bắc Giang	Nữ	D-KINHTE6A	16DKT0024	07h00'	P. Học tiếng 02	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
2	TA42	Vị Thị	Phượng	18/05/2000	Bắc Giang	Nữ	D-KHCT8A	18DKHCT0136	07h00'	P. Học tiếng 02	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
3	TA43	Dương Thời	Quyết	06/12/1997	Lạng Sơn	Nam	C-THUY16A	15CTY0047	07h00'	P. Học tiếng 02	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
4	TA44	Lừu Thị	Sen	28/08/1998	Quảng Ninh	Nữ	D-THUY6B	16DTY0495	07h00'	P. Học tiếng 02	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
5	TA45	Nguyễn Hà	Son	20/10/1995	Bắc Ninh	Nam	D-KETOAN5A	15DKT0368	07h00'	P. Học tiếng 02	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
6	TA46	Nguyễn Ngọc	Son	11/01/1996	Hà Nội	Nam	D-QLTNR5A	15DQLTNR0062	07h00'	P. Học tiếng 02	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
7	TA47	Vũ Trung	Thành	03/10/1998	Hải Dương	Nam	D-THUY6B	16DTY0499	07h00'	P. Học tiếng 02	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
8	TA48	Nguyễn Văn	Thao	04/01/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY6C	16DTY0438	07h00'	P. Học tiếng 02	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
9	TA49	Phạm Thị	Thảo	20/01/1998	Bắc Giang	Nữ	D-BVTV6A	16DBVTV0014	07h00'	P. Học tiếng 02	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
10	TA50	Dương Văn	Thạo	11/07/1994	Bắc Giang	Nam	C-THUY18A	17CTY0111	07h00'	P. Học tiếng 02	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
11	TA51	Trần Văn	Thị	19/09/1998	Hải Dương	Nam	D-BVTV6A	16DBVTV0015	07h00'	P. Học tiếng 02	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
12	TA52	Vì Đức	Thịnh	15/12/1998	Bắc Giang	Nam	D-QLDD6A	16DQLTN0451	07h00'	P. Học tiếng 02	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
13	TA53	Vũ Tiến	Thịnh	14/01/1998	Yên Bái	Nam	D-KHCT7A	17DKHCT0127	07h00'	P. Học tiếng 02	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
14	TA54	Nguyễn Duy	Thụ	06/03/1998	Bắc Ninh	Nam	C-THUY18A	17CTY0112	07h00'	P. Học tiếng 02	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
15	TA55	Hoàng Anh	Tiến	20/03/1998	Hà Nam	Nam	D-THUY6A	16DTY0440	07h00'	P. Học tiếng 02	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
16	TA56	Trần Quốc	Toản	28/03/1997	Bắc Giang	Nam	D-THUY6C	16DTY0508	07h00'	P. Học tiếng 02	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
17	TA57	Nguyễn Thị	Trang	10/11/1997	Bắc Giang	Nữ	D-THUY5B	15DTY0375	07h00'	P. Học tiếng 02	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
18	TA58	Dương Minh	Trọng	22/08/1999	Bắc Giang	Nam	C-THUY18A	17CTY0113	07h00'	P. Học tiếng 02	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
19	TA59	Lê Xuân	Trường	26/09/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY6C	16DTY0501	07h00'	P. Học tiếng 02	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
20	TA60	Hoàng Anh	Tùng	11/10/1997	Hưng Yên	Nam	D-KHCT7A	17DKHCT0129	07h00'	P. Học tiếng 02	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
21	TA61	Diêm Đăng	Tứ	20/02/1999	Đắk Lắk	Nam	C-THUY18A	17CTY0114	07h00'	P. Học tiếng 02	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC

Danh sách trên gồm 21 thí sinh./.

Chú thích: PMKTTC: Phòng máy tính Khoa Kinh tế - tài chính, tầng 3 - nhà B1